

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 6 - 2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phan Xuân Lợi

2. Ông: Hoàng Xuân Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/5/2019, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2019, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chị. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên hai bên thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2009 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau, ai lo và biết công việc nấy. Hiện nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm

không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh D để sớm ổn định cuộc sống bản thân và nuôi dạy con chung.

Về quan hệ con chung: Chị N khai nhận vợ chồng có một con chung cháu tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 02/3/2009. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu N sống cùng với chị, anh D không giao tiền cho chị để lo lắng cuộc sống, học tập cho cháu. Vì vậy, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cũng như niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn D nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân trong gia đình và địa phương nơi anh D thường trú, chị Nguyễn Thị Thuý Phương (là em dâu của anh Nguyễn Văn D ở cùng nhà với anh D) cho biết: Thời gian vừa qua gia đình chị có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01 ngày 20/3/2019 và số 02 ngày 26/3/2019 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch gửi cho anh Nguyễn Văn D do cán bộ liên lạc của UBND xã Q trực tiếp giao cho gia đình, nhưng do anh D đi làm ăn xa nên không thể trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Toà án được mà chị là người trực tiếp nhận các văn bản trên của Toà án. Sau khi nhận được các văn bản của Toà án gia đình chị đã trực tiếp điện thoại báo cho anh D biết, nhưng anh D cho biết do công việc chưa ổn định nên anh D không thể về tham gia phiên họp, phiên hoà giải theo thời gian, địa điểm của Toà án đã báo. Qua điện thoại anh D cho biết anh cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị N và đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về mức cấp dưỡng nếu chị N cho con về thăm ông bà nội vào ngày thứ 7, chủ nhật hàng tuần thì anh D sẽ chu cấp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung quá trình chung sống anh D và chị N không có tài sản chung; về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do đâu thì chị không biết. Chị và gia đình có hỏi anh D địa chỉ sinh sống và nơi làm việc, nhưng anh D cho biết do mới đi làm nên công việc chưa ổn định, lúc chỗ này, lúc chỗ khác nên không có địa chỉ ổn định, với lại anh không đăng ký tạm trú tại nơi sinh sống nên không cung cấp cho Toà án được. Ngày 21/5/2019, Toà án đã mở phiên toà nhưng anh D vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; còn bị đơn mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bị đơn và gia đình cho biết mỗi khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gia đình đã điện thoại báo

cho anh D, nên anh D đã biết được việc chị N xin ly hôn anh tại Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, nhưng do công việc chưa ổn định nên anh D không thể có mặt theo giấy triệu tập của Toà án để giải quyết vụ án. Ngày 21/5/2019 Toà án đã tiến hành mở phiên toà nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay anh D vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N, thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt, gây cản trở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn D; về quan hệ con chung: giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 02/3/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân; về quan hệ tài sản và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không xem xét. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 11/4/2019, người thân của anh D cho biết mỗi khi nhận được các văn bản tố tụng của Toà án gia đình đã điện thoại báo cho anh D, nên anh D đã biết được việc chị N xin ly hôn anh tại Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, nhưng do mới đi làm nên công việc chưa ổn định, lúc chỗ này, lúc chỗ khác nên không có địa chỉ ổn định, với lại anh không đăng ký tạm trú tại nơi sinh sống nên không cung cấp cho Toà án được, không thể có mặt theo giấy triệu tập của Toà án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 21/5/2019 Toà án đã tiến hành mở phiên toà lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt nhằm gây cản trở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào các điểm

a, b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do hai bên không hợp tính, bất đồng quan điểm sống, nên thường có lời nói xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau, dẫn đến cãi vã nhau căng thẳng, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2009 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau, ai lo và biết công việc nấy. Hiện tại chị N khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh D để sớm ổn định cuộc sống bản thân; còn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, gửi và niêm yết các văn bản tố tụng và được người thân trong gia đình báo cho anh biết việc chị N làm đơn xin ly hôn tại Tòa án, nhưng anh không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N, không cung cấp địa chỉ cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng anh D đều vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này cũng thể hiện anh D không hề quan tâm, lo lắng gì đến gia đình, mà để mặc cho chị N muốn làm gì thì làm, đã cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị N và con chung thấy. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu N sống cùng chị N. Anh D để mặc con chung sống cùng chị N, không quan tâm, đưa tiền cho chị N để lo lắng cho cuộc sống của con, nhưng chị N cũng đã quan tâm, lo lắng cho con đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập. Ngoài ra, chị N cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, cháu N thì có nguyện vọng được ở cùng chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên, mức thu nhập bình quân tại địa phương và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N và bị đơn anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N, xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Văn D. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quan hệ con chung: xử giao con chung Nguyễn Thành N, sinh ngày 02/3/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: xử buộc chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền án phí chị N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001266 ngày 06/3/2019. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình(02 bản);
- UBND xã Quảng Liên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Dương Viết Hải

